TÒA ÁN NHÂN D **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2019/HS-ST
Ngày 15 - 11 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân D: Ông Trnh Văn Thọ

Ông Đỗ Trọng Hoành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án nhân D huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân D huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân D huyện Tho Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2019/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2019;

Đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn C**, sinh ngày 06 tháng 10 năm 1987 tại: xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Lê Thị S; vợ, con: chưa có; tiền sự: không; tiền án: ngày 28/12/2016 bị Tòa án nhân D huyện Bù Đăng, tỉnh Bình phước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đến ngày 10/10/2017 đã chấp hành xong hình phạt tù; bị bắt tạm giữ ngày 09/8/2019, chuyển tạm giam ngày 15/8/2019; có mặt.

2. **Trần Đình Th**, sinh ngày 14 tháng 4 năm 1990 tại: xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn T2, xã T1, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; D tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần

Đình T (đã chết) và bà Lê Thị H; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ ngày 09/8/2019, chuyển tạm giam ngày 15/8/2019; có mặt.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1972, địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Trnh Quốc Tr, sinh năm 1969, địa chỉ: khu 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn C1, sinh năm 1972; địa chỉ: Đội 4, xã Q, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Anh Phạm Văn N, sinh năm 1970, địa chỉ: xóm 8, xã Q, thành phố Th, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn C ở cùng thôn với gia đình ông Nguyễn Thế D và trước đây đã có thời gian làm việc tại nhà ông D, biết gia đình ông D thường hay vắng nhà và có 01 chiếc tivi Sony, nên C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của gia đình ông D. Khoảng 19 giờ ngày 08/8/2019 C gọi điện thoại cho Trần Đình Th, rủ Th đi trộm cắp tài sản, Th đồng ý và hẹn gặp C tại Cây gạo ở đê Sông Chu thuộc thôn Đồng Tình xã Hạnh Phúc. Th lấy xe máy của mình đi đến chỗ hẹn gặp C. Khi gặp nhau thì C nói "nhà ông D không có người ở nhà, có chiếc tivi ta vào lấy bán kiếm tiền tiêu sài", được Th đồng ý, rồi để lại xe máy trên bờ đê và cùng C đi đến nhà ông D, cả hai trèo qua bờ tường vào trong, quan sát phát hiện cửa sau nhà ông D không khóa, C lại mở cửa thì Th đi vào trước, còn C vào sau. Khi đi đến gian phòng khách, thấy trên kệ gỗ có 01 chiếc tivi, nhãn hiệu Sony 40 inch màu đen; Th lại tháo các dây nối rồi ôm tivi cùng C đi ra khỏi nhà và trèo qua tường đưa tivi ra ngoài đường. Th lại lấy xe máy điều khiển chở C ngồi sau ôm tivi đem về nhà Th cất dấu.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ông D đã báo cáo sự việc với Cơ quan CSĐT Công an huyện T. Đến ngày 09/9/2019, C và Th đã ra đầu thú và khai báo về hành vi phạm tội của mình; Th giao nộp chiếc tivi, nhãn hiệu Sony 40 inch màu đen, model KLV-40BX450 trộm cắp của gia đình ông Nguyễn Thế D tối ngày 08/8/2019, C giao nộp 01 chiếc điện thoại di động Nokia 105 (là điện thoại C khai sử dụng gọi điện cho Th rũ đi trộm cắp tài sản); ngoài ra quá trình điều tra còn thu giữ 01 xe máy nhãn hiệu Vecstar màu xanh, biển kiểm soát 36H7-2297 và 01 đăng ký xe máy biển kiểm soát 36H7-2297 nêu trên.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã yêu cầu định giá đối chiếc tivi các bị cáo C và Th trộm cắp của gia đình ông D. Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐG ngày 12/8/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình

sự huyện T, xác định: giá Tr chiếc tivi nhãn hiệu Sony, màn hình 40inch, model KLV-40BX450 của gia đình ông Nguyễn thế D là 4.920.000 đồng.

Về phần D sự: ông Nguyễn Thế D đã được nhận lại chiếc tivi bị mất trộm và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

Về tang vật thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, có số sêri 1: 356010087249487, số sêri 2: 356010087249487; 01 xe máy nhãn hiệu Vecstar màu xanh, biển kiểm sát 36H7 - 2297 và 01 đăng ký xe máy nêu trên. Hiện đang được quản lý theo quy định của pháp luật.

Đối với chiếc điện thoại di động của Th dùng liên lạc với C, rủ nhau đi trộm cắp tài sản, Th khai bị mất trên đường mang tài sản trộm cắp đi cất giấu. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm vật chứng theo quy định, nhưng không thu hồi được.

Tại bản cáo trạng số 67/CT-VKSTX ngày 15/10/2019 Viện kiểm sát nhân D huyện T đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Đình Th về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi vào ngày 08/8/2019 có trộm cắp của gia đình ông Nguyễn Thế D chiếc tivi nhãn hiệu Sony, màn hình 40inch đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu và không có ý kiến gì về nội dung kết luận định giá.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề N Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Đình Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về hình phạt đề N:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo C, xử phạt bị cáo C từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th, xử phạt bị cáo Th từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo.

Về trách nhiệm D sự: không xem xét.

Về vật chứng đề N: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105; 01 xe máy nhãn hiệu Vecstar màu xanh, biển kiểm sát 36H7 - 2297 và 01 đăng ký xe máy nêu trên.

Về án phí: buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Các bị cáo không có ý kiến tranh với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát; lời nói sau cùng các bị cáo nhận tội và xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, Biên bản khám nghiệm hiện trường, Kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: vào khoảng 19 giờ 00 phút, ngày 08/8/2019 Nguyễn Văn C và Trần Đình Th đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của gia đình ông Nguyễn Thế D chiếc tivi nhãn hiệu Sony, màn hình 40inch có giá Tr là 4.920.000 đồng (bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự; thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Đình Th đã phạm vào tội "trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân D huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo chỉ vì muốn có tiền để tiêu xài cá nhân, khi thấy có sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, đã bất chấp pháp luật, lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của người khác. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân D, đồng thời gây mất trật tự Tr an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công D được pháp luật bảo vệ. Trong thời gian gần đây tội phạm trộm cắp tài sản đang diễn biến phức tạp; loại tội phạm này ngày càng hoạt động chuyên nghiệp, tinh vi, trong khi ý Th bảo vệ tài sản của người D thì vẫn còn sơ hở. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử đối với các bị cáo và lên một mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân: Các bị cáo tuổi đời còn trẻ, lẽ ra các bị cáo phải chịu khó học tập, rèn luyện bản thân để trở thành công D tốt, có ích cho xã hội, nhưng các bị cáo lại không chịu khó học tập, rèn luyên, mà ham chơi, thích hưởng thụ, sống buông thả, bất chấp pháp luật để phạm tội. Bị cáo C, có nhân thân xấu, đã 01 lần bị kết án, chưa được xóa án tích; bị cáo Th phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã đến Cơ quan Công an đầu thú, khai báo về hành vi phạm tội của mình; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay khai báo thành khẩn, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Th

phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo C có thời gian tham gia quân đội Nhân D Việt Nam, nên bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo C, ngày 28/12/2016 đã bị Tòa án nhân D huyện Bù Đăng, tỉnh Bình phước xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy"; đến ngày 10/10/2017 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội, nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là "tái phạm" theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự; Bị cáo Th không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Đánh giá vai trò của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này các bị cáo tuy có việc bàn bạc và sự thống nhất ý chí, nhưng vụ án không có tính tổ chức mà chỉ là trường hợp đồng phạm giản đơn. Cả hai bị cáo cùng trực tiếp đột nhập vào nhà ông D, hổ trợ nhau thực hiện việc trộm cắp tài sản, trong đó bị cáo C là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Th thực hiện tội phạm, nên đánh giá bị cáo C giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu trách nhiệm cao hơn so với bị cáo Th.

[8] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải xử phạt các bị cáo bằng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục các bị cáo trở thành công D tốt, sống có ích cho xã hội đồng thời cũng là bài học đối với những ai đang có ý định thực hiện tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nên xem xét giảm cho các bị cáo một phần hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội; xử phạt các bị cáo mức án như đề N của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp. Thời gian các bị cáo bị tạm giữ, tạm giam được tính vào thời gian chấp hành hình phạt. Tiếp tục tạm giam các bị cáo để đảm bảo thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[10] Về trách nhiệm D sự: Ông Nguyễn Thế D đã được nhận lại tài sản bị mất trộm là chiếc tivi nhãn hiệu Sony, màn hình 40inch và không có yêu cầu bồi thường gì, nên không xem xét.

[11] Về tang vật thu giữ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 là tài sản của C; 01 xe máy nhãn hiệu Vecstar màu xanh, biển kiểm sát 36H7 - 2297 và 01 đằng ký xe máy trên là tài sản của Th. Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc thực hiện tội phạm, nên cần tịch thu sung vào ngân sach nhà nước. Vật chứng trên hiện đang được quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn C;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Đình Th;

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 N quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Đình Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 01 (một) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/8/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Đình Th 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/8/2019.

2. Về trách nhiệm D sự: không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, có số sêri 1: 356010087249487, số sêri 2: 356010087249487; 01 xe máy nhãn hiệu Vecstar, biển kiểm sát 36H7 - 2297 và 01 đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 36H7 - 2297. Vật chứng hiện đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án D sự huyện T, theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2019, Phiếu nhập kho số PNK 02 ngày 16/10/2019.

3. Về án phí: các bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Đình Th mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án D sự thì người được thi hành án D sự, người phải thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án D sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật

thi hành án D sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến